

Số: 04 /BV – YCBG
Vv yêu cầu báo giá trang thiết bị y tế

Xín Mần, ngày 04 tháng 10 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, các nhà cung cấp, kinh doanh
TBYT tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần có nhu cầu tiếp nhận báo giá để xây dựng dự toán mua sắm, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám và điều trị A10 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần, địa chỉ: tổ 4 thị trấn Cốc Pài, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Xin Văn Đức, Phòng Vật Tư, số điện thoại: 0389456060
email: xinvanduc@gmail.com
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật Tư, bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần, tổ 4, thị trấn Cốc Pài, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang.
 - Nhận qua email: xinvanduc@gmail.com
- Thời gian tiếp nhận báo giá từ 08h ngày 04/10/2023 đến 17h00p ngày 14/10/2023. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 90 ngày.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục trang thiết bị y tế yêu cầu báo giá: (có phụ lục chi tiết kèm theo)
2. Địa điểm cung cấp: Phòng Vật Tư, Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần, tổ 4, thị trấn Cốc Pài, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang.
3. Thời gian giao hàng dự kiến: trong tháng 12 năm 2023
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Tạm ứng: không.
 - Thanh toán: chuyển khoản.

Trên đây là yêu cầu báo giá trang thiết bị y tế của bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần, kính mong quý công ty, doanh nghiệp báo giá theo mẫu báo giá của bệnh viện (có mẫu báo giá kèm theo).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.
- Website bệnh viện

GIÁM ĐỐC

Vương Tiến Lương

PHỤ LỤC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

(kèm theo YCBG số 04/BV – YCBG ngày 04/10/2023 của bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần)

Stt	Tên hàng hóa	Tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu	<p><u>Thông số kỹ thuật :</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Hiệu suất cao + Màn hình TFT LCD màu, + Bộ nhớ tới 30 ngày + Dải đo: <ul style="list-style-type: none"> - SPO2: 40% - 100% - Sai số: 70 – 100% , +/- 2% + Nhịp tim: <ul style="list-style-type: none"> - Dải đo: 30 – 250 bpm - Sai số nhịp tim: +/-2 bpm + Bộ nhớ trên 30 ngày + Hiển thị: <ul style="list-style-type: none"> - SPO2, BPM, SPO2 limit, mức Bar, sóng nhịp tim, thời gian, mức báo động, mức pin, độ sáng + Chỉ thị Led: báo nguồn, nạp pin,... + Nguồn: 24VA(max) + Adaptor: 100-240V + Pin: Loại: Lithium-ion , thời gian sử dụng ≥ 20h + Môi trường: <ul style="list-style-type: none"> - Dải nhiệt độ làm việc: 5 – 40°C - Nhiệt độ kho chứa: - 20-70°C - Độ ẩm: 5-95% <p><u>Cấu hình kỹ thuật :</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính kèm màn hình TFT LCD màu: 01 cái - Sensor đo SPO2 người lớn : 01 cái 	<u>1</u>

Stt	Tên hàng hóa	Tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn AC/DC : 01 bộ - Dây nguồn : 01 cái - Sách HDSD bằng tiếng Anh, tiếng Việt : 01 quyển - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	
2	Bộ khám ngũ quan	<p><u>Thông số kỹ thuật :</u></p> <p>Thiết bị khám tai</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các thấu kính phóng đại với độ phóng đại từ 4 lần, dạng có thể tháo ra được, xoay 2 mặt • Nắp chụp phần kiếng, dạng tháo ra được, gắn bên ngoài thiết bị • Thích hợp dùng để thăm khám mũi khi sử dụng loa thăm khám • Sự tháo ráp cán tay cầm nhanh chóng, an toàn nhờ bộ phận đầu kết nối trên cán tay cầm • Hệ thống đóng kín để thực hiện phép soi đường khí • Đầu thiết bị bằng kim loại mạ crôm có tuổi thọ cao • Việc thay đổi đèn đơn giản tại phía trước mặt đầu dụng cụ • Bao gồm loa thăm khám tai bằng thép không gỉ • Thiết bị dùng với bóng đèn chân không <p>Đầu đèn khám mắt</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dùng với đèn chân không • Đầu thiết bị bằng kim loại cứng, bền, cho tuổi thọ cao • Sự tháo ráp đầu thiết bị soi với cán tay cầm nhanh chóng và an toàn nhờ bộ phận đầu kết nối trên cán tay cầm. • Vòng điều chỉnh hội tụ từ 0 đến +20 và từ 0 đến -20 điốp • Khẩu độ với hình vòng tròn lớn dùng để thăm khám đáy mắt • Việc thay đổi đèn đơn giản tại đây đầu thiết bị <p>Van mở mũi</p>	<u>1</u>

Stt	Tên hàng hóa	Tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> • Van mở bằng kim loại mạ crôm có tuổi thọ cao • Nới rộng van mở bằng cách vặn vít điều chỉnh • Dùng để lắp vào đầu thiết bị khám tai <p>Gọng dẫn quang cong</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dùng cho đèn chân không • Bằng kim loại mạ crôm, bền và chắc • Sự tháo ráp cán tay cầm nhanh chóng và an toàn nhờ bộ phận đầu kết nối trên cán tay cầm • Việc thay đổi đèn đơn giản tại phía trước mặt goiing dẫn quang cong <p>Gương soi thanh quản: dùng cho tất cả gọng dẫn quang cong của Riester</p> <ul style="list-style-type: none"> • 2 gương soi thanh quản số 3 (đường kính 20 mm) và số 4 (đường kính 22 mm) dùng để chiếu sáng và thăm khám vùng thanh quản • Việc tháo ráp gương soi với gọng dẫn quang cong đơn giản <p>Cán tay cầm loại C với biến trở. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p> <p><u>Cấu hình tiêu chuẩn bao gồm:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đầu thiết bị khám tai 01 Cái 2. Loa soi tai: 03 cái 3. Đầu đèn khám mắt: 01 cái 4. Van mở mũi: 01 cái 5. gọng dẫn quang cong: 01 cái 6. Gương soi thanh quản số 3: 01 cái 7. Gương soi thanh quản số 4: 01 cái 8. Bộ phận kẹp giữ đèn lưới: 01 cái 9. Bóng đèn thay thế trên đèn soi tai (có thể dùng cho gọng dẫn quang cong): 01 cái 10. Cán pin loại C với biến trở: 01 cái 11. Hộp đựng: 01 cái 	

Stt	Tên hàng hóa	Tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng
3	Bàn tiêm-thay băng 2 tầng	<p><u>Cấu hình kỹ thuật:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bàn chính: 01 cái - Ngăn kéo: 02 cái - Bánh xe: 01 bộ <p><u>Thông số kỹ thuật:</u></p> <p>a. Kích thước (mm): (DxRxC) 840x540x900mm ±3%</p> <p>b. Kết cấu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước khay: dài, rộng, sâu (815x515x20) mm. - Bàn có 2 tầng khay, các tầng đều có thanh lan can inox ống 4 phía cao 50±5mm. - Khay bằng inox tấm được dập liền tấm trên máy thủy lực, bốn góc khay tròn, nhẵn, không có khe, kẽ, được bo tròn, dễ vệ sinh, tiệt trùng; khay được hàn liền với khung xe chắc chắn. Chân khay được xử lý ép mép vừa làm tăng cứng vững cho sản phẩm vừa khử ba vĩa cạnh sắc. - Bàn có 02 ngăn kéo có tay nắm, ngăn kéo đóng mở nhẹ nhàng chắc chắn bởi thanh ray bi kép chịu lực. - Có 4 bánh xe chuyển hướng $\varnothing \geq 100$ mm, trong đó có 2 bánh có phanh. - Toàn bộ bề mặt inox được xử lý bề mặt đạt độ bóng BA. <p>c. Vật liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Toàn bộ làm bằng thép không gỉ, không nhiễm từ SUS201. + Khung chính tay đẩy làm bằng inox + Lan can làm bằng inox ống + Đố ngăn kéo bằng inox hộp + Mặt bàn làm bằng inox tấm dày ≥ 0.8 mm. + Ngăn kéo và các tấm bưng làm bằng inox tấm dày $\geq 0,5$mm + Ray bi kép thép mạ hoặc sơn tĩnh điện + Bánh xe cao su $\varnothing \geq 100$ - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001-2015, ISO 14001-2015, ISO 13485:2016. 	2

Stt	Tên hàng hóa	Tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng
4	Máy đo đường huyết	<p><u>Thông số kỹ thuật :</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ số đo: Lượng đường trong máu. - Mẫu thử: Máu mao mạch tươi toàn phần. - Lượng mẫu máu thử: chỉ từ 0.3 µl. - Phương pháp đo: GDH - Đơn vị đo: mg/dL hoặc mmol/L - Dải đo: 10-600 mg/dL hoặc 0.6 – 33.3 mmol/L - Dải Hematocrit: 20-70% - Thời gian đo nhanh, chỉ từ 5 giây - Màn hình hiển thị giúp kết quả hiển thị rõ hơn. - Bộ nhớ ≥ 500 kết quả đo, có hỗ trợ trích xuất dữ liệu sang máy tính - Môi trường hoạt động: Nhiệt độ: 8 – 40 °C; Độ ẩm: 20 – 80% RH - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	<u>1</u>
5	Máy đo huyết áp tự động	<p><u>Thông số kỹ thuật :</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chu vi vòng bít: 22 - 42cm - Khoảng đo huyết áp: 60 – 260 mmHg. - Độ chính xác huyết áp: +/- 3mmHg. - Khoảng đo nhịp tim: 40 – 180 nhịp/phút. - Độ chính xác nhịp tim: +/- 5% - Nguồn điện: pin hoặc sử dụng bộ đổi điện. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 <p><u>Cấu hình kỹ thuật :</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái. - Vòng bít kèm dây dẫn khí : 01 cái. - Pin. 	<u>1</u>

Stt	Tên hàng hóa	Tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng
		- bộ đổi điện.	
6	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số	<p><u>Cấu hình kỹ thuật :</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính kèm máy in nhiệt gắn trong: 01 bộ - Cáp điện tim loại 3 điện cực: 01 bộ - Cáp và đầu đo SpO2 kẹp ngón tay, dùng nhiều lần: 01 bộ - Ống nối cho bao đo huyết áp không xâm nhập NIBP: 01 cái - Bao đo huyết áp không xâm nhập cho người lớn: 01 cái - Bao đo huyết áp không xâm nhập cho trẻ em: 01 cái - Đầu đo nhiệt độ da: 01 cái -Ắc quy tự nạp gắn trong máy: 01 bộ - Xe đẩy: 01 chiếc <p><u>Tính năng và thông số kỹ thuật:</u></p> <p>Tính năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi, cảnh báo các thông số cơ bản trong hồi sức cấp cứu: ECG, Nhịp thở, SpO2, NIBP, nhiệt độ - Có chức năng kích hoạt đo huyết áp khi phát hiện có sự tăng giảm đột biến - Có chức năng phát hiện loạn nhịp và gọi lại - Có chức năng hướng dẫn thông minh khi có báo động - Có đo huyết áp nhanh giúp tiết kiệm thời gian nhanh và giảm đau khi đo NIBP - Có thể lưu tín hiệu điện tim nén để so sánh tình trạng bệnh nhân trước và sau loạn nhịp - Có thể lưu và xem lại ≥ 120 giờ vết dưới dạng đồ thị và bảng - Có chức năng kết nối mạng với các monitor khác và với monitor trung tâm qua cổng mạng LAN có sẵn - Có thể kết nối trực tiếp với máy in mạng khổ A4 qua cổng mạng LAN - Có khả năng kết nối máy quét mã vạch qua cổng USB có sẵn <p>Hiển thị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình màu, cảm ứng, loại TFT LCD 	<u>1</u>

Stt	Tên hàng hóa	Tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước ≥ 10.4 inch, độ phân giải $\geq (800 \times 600)$ điểm ảnh - Phương pháp hiển thị dạng sóng: Cố định - Số dạng sóng: 4 cho ECG, nhịp thở, sóng xung SpO2 - Hiển thị các thông số: bao gồm Nhịp tim, nhịp VPC, phép đo ST, NIBP, giá trị SpO2, nhịp xung, nhiệt độ. - Có thể đánh dấu đồng bộ với nhịp tim, nhịp xung và nhịp thở - Tốc độ quét: có thể lựa chọn ≥ 4 mức từ 6.25 đến 50 mm/giây <p>Nhịp thở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đo: đo trở kháng lồng ngực - Dải đo: trong khoảng 0 đến 150 nhịp/phút - Độ chính xác: ± 2 nhịp/phút <p>Nhiệt độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dải đo: $0^{\circ}\text{C} - 45^{\circ}\text{C}$, \pm không quá $0,2^{\circ}\text{C}$ - Độ xê dịch: $\pm 0,005^{\circ}\text{C}/^{\circ}\text{C}$ - Có thể đặt giới hạn báo động cao/thấp trong khoảng 0 đến 45°C <p>Đo lượng oxy bão hòa trong máu (SpO2)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dải đo: 0-100% - Độ chính xác: không quá $\pm 3\%$ - Cài đặt âm lượng đồng bộ: điều chỉnh được - Đo mạch: dải đo khoảng 30-300 nhịp/phút <p>Đo huyết áp không xâm nhập (NIBP)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đo: dao động kế - Dải đo: khoảng 0 đến 300 mmHg - Sai số: ± 3 mmHg - Thời gian đo: người lớn/trẻ em: ≤ 11 giây, sơ sinh: ≤ 5 giây - Giá trị áp suất tối đa: người lớn/trẻ em 300mmHg, trẻ sơ sinh: 150mmHg - Có giới hạn áp suất và thời gian khi bơm để đảm bảo an toàn - Phương pháp đo: bằng tay, liên tục, định kỳ 	

Stt	Tên hàng hóa	Tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Các mục hiển thị: tâm trương, tâm thu, giá trị trung bình - Dò khí: ≤ 3 mmHg/phút <p>Điện tim (ECG)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng điện cực: ≥ 3 - Tần số đáp ứng: 0.05 đến 150Hz - Dải đếm nhịp tim: 15 đến 300 nhịp/phút - Độ chính xác: ± 2 nhịp/phút <p>Báo động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại báo động: 3 loại khẩn cấp, cảnh báo, thông báo - Các mục báo động: bao gồm giới hạn mức cao/thấp, loạn nhịp, báo động giữa các giường, báo động kỹ thuật.... - Tắt báo động: tắt báo động, cài đặt lại báo động, ngưng báo động, tắt tất cả báo động - Có báo động bằng âm thanh cho từng mức - Lịch sử báo động: 9 file trên một màn hình <p>Phân tích loạn nhịp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp phân tích: phương pháp đối chiếu đa mẫu - Số kênh: 2 - Tỷ lệ đếm VPC: từ 0 đến 99VPC/phút - Tin nhắn loạn nhịp: ≥ 25 - Có thể gọi lại loạn nhịp <p>Mức chênh ST</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số kênh: 1 - Dải đo mức chênh ST: ± 2.5mV <p>Máy in</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy in được thiết kế đồng bộ gắn liền với monitor - Phương pháp in: ma trận nhiệt - Số vết: 3 - Tốc độ giấy: có thể lựa chọn 3 mức từ 12.5 đến 50 mm/s 	

Stt	Tên hàng hóa	Tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Độ rộng in: $\geq 46\text{mm}$ Điện áp cung cấp: AC và DC <ul style="list-style-type: none"> - AC: 220V, 50Hz - DC: ắc quy lắp trong máy, thời gian hoạt động ≥ 6 giờ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	
7	Bơm tiêm điện	<p><u>Cấu hình kỹ thuật :</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Phụ kiện: + Dây nguồn: 01 cái + Kẹp cốc truyền: 01 cái + Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ <p><u>Thông số kỹ thuật :</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có màn hình màu hiển thị các thông số - Nguồn điện DC: Ắc quy loại sạc bên trong máy hoạt động liên tục ≥ 12 tiếng, - Có thêm pin phụ hỗ trợ báo động trong trường hợp hỏng ắc quy và mất điện lưới, - Sử dụng được các cỡ bơm tiêm: 5 mL, 10 mL, 20 mL, 30 mL, 50, 60 mL - Chọn chế độ đặt liều: Gồm các chế độ mL/giờ , $\mu\text{g/kg/phút}$, mg/kg/giờ; - Dải cài đặt tốc độ tiêm: 0,01 đến 1200 mL/giờ tùy thuộc cỡ bơm tiêm + 0,01 đến 150 mL/giờ (sử dụng bơm tiêm 5mL) + 0,01 đến 300 mL/giờ (sử dụng bơm tiêm 10,20,30 mL) + 0,01 đến 1200 mL/giờ (sử dụng bơm tiêm 50, 60 mL) - Bước đặt: + 0,01 mL/giờ (tốc độ từ 0,01 đến 10 mL/giờ) + 0,1 mL/giờ (tốc độ từ 10 đến 100 mL/giờ) + 1 mL/giờ (tốc độ từ 100 đến 1200 mL/giờ) - Thẻ tích dịch đặt trước: + 0,1 đến 9999 mL + Có chế độ không đặt giới hạn dịch tiêm 	<u>1</u>

Stt	Tên hàng hóa	Tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Cài đặt thời gian tiêm: + 1 phút đến 99 giờ 59 phút + Có chế độ không đặt giới hạn thời gian tiêm - Dải cài đặt liều: + 0,01 đến 10 (bước đặt 0,01) + 10 đến 100 (bước đặt 0,1) + 100 đến 999 (bước đặt 1) (Đơn vị : $\mu\text{g/kg/phút}$, mg/kg/giờ) - Dải cài đặt cân nặng bệnh nhân: 0,1 - 300 kg (bước đặt 0,1 kg) - Cài đặt nồng độ pha thuốc: + 0,01 đến 10 mg/mL (bước đặt 0,01 mg/mL) + 10 đến 100 mg/mL (bước đặt 0,1 mg/mL) + 100 đến 999 mg/mL (bước đặt 1 mg/mL) - Cài đặt lượng thuốc: + 0,01 đến 10 (bước đặt 0,01) + 10 đến 100 (bước đặt 0,1) + 100 đến 999 (bước đặt 1) (Đơn vị: μg, mg) - Cài đặt thể tích dung dịch pha thuốc + 0,01 đến 10 mL (bước đặt 0,01 mL) + 10 đến 100 mL (bước đặt 0,1 mL) + 100 đến 999 mL (bước đặt 1 mL) - Tốc độ tiêm nhanh (bolus) khi ấn và giữ phím: + 100 mL/giờ (sử dụng bơm tiêm 5 mL) + 100 đến 300 mL/giờ (sử dụng bơm tiêm 10,20,30 mL) + 100 đến 1200 mL/giờ (sử dụng bơm tiêm 50/60 mL) (Bước đặt: 100 mL/giờ) - Thẻ tích dịch tiêm nhanh khi không ấn và giữ phím: 	

Stt	Tên hàng hóa	Tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> +) 0,01 đến 10 mL (bước đặt 0,01 mL) +) 10 đến 100 mL (bước đặt 0,1 mL) +) 100 đến 999 mL (bước đặt 1 mL) - Thời gian tiêm nhanh khi không ấn và giữ phím : từ 1 giây đến 60 phút (Bước đặt: 1 giây) - Hiện thị thể tích dịch đã tiêm: 0 đến 9999 mL - Độ chính xác máy: $\pm \leq 1\%$ - Ngưỡng áp lực báo tắc: 10 đến 120 kPa (có 10 mức để chọn) - Tốc độ tiêm nhanh: Có 5 dải tốc độ trong khoảng từ 150 đến 1200 mL/ giờ tùy theo cỡ bơm tiêm - Báo động trong các trường hợp: <ul style="list-style-type: none"> + Tắc đường tiêm truyền + Gần hết dịch + Đuôi piston của bơm tiêm lắp không đúng + Thân của bơm tiêm lắp không đúng + Ấc quy yếu + Báo động lại + Báo động tắt máy + Báo động khi ắc qui hỏng và mất điện lưới + Nhắc ấn phím START + Chưa cài đặt tốc độ tiêm + Chưa cài đặt thể tích dịch định tiêm + Tốc độ truyền đặt lớn hơn giới hạn thể tích dịch định truyền + Hoàn thành thể dịch đặt trước - Các chức năng an toàn: <ul style="list-style-type: none"> + Cài đặt báo động gần hết dịch bằng thời gian + Chọn áp lực báo tắc đường tiêm ở 10 mức + Giảm tốc bolus: giảm áp lực trong bơm tiêm khi gặp báo động tắc nghẽn 	

Stt	Tên hàng hóa	Tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> + Cài đặt giới hạn dải tốc độ A (giới hạn mềm) + Cài đặt giới hạn dải tốc độ B (giới hạn cứng) + Khóa bàn phím để tránh ấn nhầm phím khi máy đang hoạt động - Các chức năng khác: + Hiển thị hướng dẫn lắp bơm tiêm trên màn hình LCD + Hiển thị nhãn và cỡ bơm tiêm trên màn hình LCD + Chuyển đổi kiểu bơm tiêm + Cài đặt thể tích dịch định tiêm + Cài đặt thời gian định tiêm + Có âm báo ở chế độ Purge/Bolus + Xóa thể tích dịch đã tiêm + Chức năng chờ + Cài đặt thời gian chờ theo yêu cầu lên tới 24 giờ + Điều chỉnh âm lượng chuông báo động + Điều chỉnh âm lượng bàn phím + Có âm báo khi ấn phím STOP + Điều chỉnh độ sáng của màn hình LCD 5 mức + Đặt và báo thời gian bảo trì thiết bị + Cài đặt ngày, giờ + Lưu và xem dữ liệu: xấp xỉ 10000 sự kiện + Phát hiện có nguồn điện lưới AC + Có âm báo khi phát hiện có nguồn điện lưới AC + Cài đặt giới hạn trên của thể tích Purge/ Bolus + Duy trì đường ven mở + Xóa thể tích dịch đã tiêm khi máy đang hoạt động + Thay đổi tốc độ tiêm khi máy đang hoạt động + Chọn giai điệu âm thanh báo động + Đặt bước cài đặt 100 lần để rút ngắn thời gian cài đặt 	

Stt	Tên hàng hóa	Tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> + Tiêm nhanh (Bolus) bằng cách ấn và giữ phím + Tiêm nhanh (Bolus) không cần ấn và ấn phím + Chức năng gọi phím tắt + Có âm báo khi tắt nguồn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	
8	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	<p><u>Thông số kỹ thuật :</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộp đựng thuốc cấp cứu sốc phản vệ bằng nhựa (không bao gồm thuốc) có phần nắp gồm có 2 mặt. + Mặt 1: Gồm có logo, tên hộp thuốc và sơ đồ chẩn đoán. + Mặt 2: Có sơ đồ chẩn đoán nằm đối xứng với mặt 1. - Phần thân hộp chia làm 1 ngăn lớn bên trái và 5 ngăn nhỏ bên phải. + 5 ngăn nhỏ bên phải mỗi ngăn rộng $\geq 3\text{cm}$ x dài $\geq 17\text{cm}$ + Ngăn lớn của hộp thuốc cấp cứu sốc phản vệ phía trái thân hộp rộng $\geq 9\text{cm}$ x dài $\geq 17\text{cm}$ được chia làm nhiều ngăn nhỏ. - Phần đáy hộp có khe nhỏ dùng để chứa phác đồ điều trị - Kích thước: DxRx C: ($\geq 265\text{mm}$) x ($\geq 194\text{mm}$) x ($\geq 68\text{mm}$). - Màu: Trắng. - Chất Liệu: Nhựa PP. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	<u>2</u>
9	Máy đo huyết áp cơ hiệu	<p><u>Thông số kỹ thuật :</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng hồ chuẩn vạch chia từ 20-300mmHg, - Độ chính xác $\pm 3\text{mmHg}$, - Quả bóp làm bằng chất liệu cao su chống oxy hóa có độ bền cao - Bao đựng : 01 cái - Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Anh : 01 quyển - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	<u>1</u>

Stt	Tên hàng hóa	Tính năng và thông số kỹ thuật	Số lượng
10	Tai nghe nhịp tim hiệu	<u>Thông số kỹ thuật :</u> - Bộ khuếch đại âm thanh bằng chất liệu Aluminium - Ống dẫn bằng chất liệu cao su đã nhiệt đới hóa, nghe êm, không đau tai. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	<u>1</u>

MẪU BÁO GIÁ

((kèm theo YCBG số 04/BV – YCBG ngày 04/10/2023 của bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang, chúng tôi.....báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các trang thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Tên Vật tư y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hang xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá	Chi phí cho các dịch vụ liên quan	Thuế phí, lệ phí	Thành tiền
1										
2										
3										
	Tổng cộng: khoản									

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng ngày, kể từ ngày Tháng.... Năm 2023 đến ngày tháng Năm 2023.(tối thiểu 90 ngày)
3. Chúng tôi cam kết:
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
 - Giá trị của các VTYT nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
 - Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm 2023

ĐẠI DIỆN hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký, ghi, đóng dấu nếu có)